

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 6 năm 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Tập đoàn cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch
Ông Lê Quang Tiến	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Minh Châu	Phó Chủ tịch
Bà Trương Thị Thanh Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Jonathon Ralph Alexander Waugh	Ủy viên (bổ nhiệm từ ngày 29/03/2009)
Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Điệp Tùng	Ủy viên
Ông Hoàng Nam Tiến	Ủy viên
Ông Trương Đình Anh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Gia Bình	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13/04/2009)
Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13/04/2009)
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc khu vực phía Nam
Ông Đỗ Cao Bảo	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/06/2009)
Ông Trương Đình Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/07/2009)
Ông Lê Quang Tiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/06/2009)
Ông Phan Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/06/2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2009

018
G T
H HƯ
ITTE
NAM
TP.

Số: 442 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần FPT

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là "Tập đoàn") cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến trong báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30/06/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc tới nội dung trình bày tại Thuyết minh số 24 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, đây là năm đầu tiên báo cáo tài chính hợp nhất bán niên của Tập đoàn được soát xét. Do đó, số liệu so sánh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/06/2008 trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu chưa được soát xét. Số liệu so sánh tại ngày 31/12/2008 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 8 năm 2009
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Đức Nguyễn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0764/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		4.885.602.141.554	4.658.263.302.412
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	938.964.115.057	1.242.502.927.497
1. Tiền	111		750.883.178.995	1.088.022.490.228
2. Các khoản tương đương tiền	112		188.080.936.062	154.480.437.269
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.970.316.568.310	1.994.169.987.920
1. Phải thu khách hàng	131		1.357.491.712.694	1.541.292.025.933
2. Trả trước cho người bán	132		442.211.731.412	271.888.719.628
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		105.629.565.182	92.724.478.378
4. Các khoản phải thu khác	135	5	77.681.570.584	107.083.598.814
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(12.698.011.562)	(18.818.834.833)
III. Hàng tồn kho	140	6	1.636.788.104.300	1.223.957.881.179
1. Hàng tồn kho	141		1.642.748.526.493	1.230.872.064.900
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.960.422.193)	(6.914.183.721)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		339.533.353.887	197.632.505.816
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		68.085.857.472	40.370.582.395
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		186.999.269.705	143.679.733.662
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.363.407.276
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		84.448.226.710	12.218.782.483
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260+270)	200		1.522.387.349.536	1.466.570.854.462
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		126.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	218		126.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		983.311.169.678	960.726.163.328
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	688.969.307.409	694.250.036.187
- Nguyên giá	222		1.300.436.517.468	1.207.764.590.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(611.467.210.059)	(513.514.554.812)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		159.601.016	153.670.867
- Nguyên giá	225		208.175.180	180.473.274
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(48.574.164)	(26.802.407)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	46.380.858.874	44.566.041.768
- Nguyên giá	228		94.957.468.122	83.092.578.511
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(48.576.609.248)	(38.526.536.743)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	247.801.402.379	221.756.414.506
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		331.116.289.663	290.070.028.679
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	11	260.770.672.030	243.554.076.179
2. Đầu tư dài hạn khác	258		71.525.517.633	47.695.852.500
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.179.900.000)	(1.179.900.000)
IV. Lợi thế thương mại	260		6.318.500.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	270		201.515.390.195	215.774.662.455
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		159.911.075.960	153.151.586.037
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	12	25.395.676.394	23.365.346.963
3. Tài sản dài hạn khác	273		16.208.637.841	39.257.729.455
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		6.407.989.491.090	6.124.834.156.874

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3.109.742.553.270	3.165.352.228.560
I. Nợ ngắn hạn	310		3.099.235.686.943	3.160.423.294.749
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	1.196.499.606.447	1.236.811.819.207
2. Phải trả người bán	312		1.109.245.410.193	1.057.507.949.067
3. Người mua trả tiền trước	313		298.130.205.699	336.639.630.984
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	218.419.895.337	189.056.164.373
5. Phải trả người lao động	315		6.020.251.898	36.336.932.140
6. Chi phí phải trả	316		111.103.558.998	122.981.748.223
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		14.725.955.654	7.364.680.088
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	127.992.809.510	155.990.679.947
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		17.097.993.207	17.733.690.720
II. Nợ dài hạn	330		10.506.866.327	4.928.933.811
1. Phải trả dài hạn khác	333		8.454.832.981	2.895.195.181
2. Vay và nợ dài hạn	334		169.724.051	146.775.542
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		98.205.702	-
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		669.703.087	772.562.582
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337		1.114.400.506	1.114.400.506
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		2.652.662.816.348	2.433.246.607.770
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	2.684.043.689.140	2.373.482.966.468
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.411.620.740.000	1.411.620.740.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54.851.281.360	54.851.281.360
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.320.800.000)	(1.831.500.000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		4.643.473.133	3.164.755.291
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		103.009.261	103.009.261
6. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	418		106.637.365.886	107.565.521.411
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.108.508.619.500	798.009.159.145
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(31.380.872.792)	59.763.641.302
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(34.130.872.792)	57.013.641.302
2. Nguồn kinh phí	432		2.750.000.000	2.750.000.000
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		645.584.121.472	526.235.320.544
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		6.407.989.491.090	6.124.834.156.874



Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2009

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	7.967.780.400.582	8.205.293.265.065
2. Giá vốn hàng bán	11		6.150.881.286.908	6.554.230.299.395
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.816.899.113.674	1.651.062.965.670
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	67.950.477.874	86.060.602.164
5. Chi phí tài chính	22	19	145.340.497.180	259.769.371.257
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.827.294.948	50.146.707.932
6. Chi phí bán hàng	24		442.614.630.914	446.805.968.195
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		538.268.213.614	415.069.203.882
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		758.626.249.840	615.479.024.500
9. Thu nhập khác	31		68.731.762.025	39.432.900.035
10. Chi phí khác	32		61.190.223.640	10.174.025.211
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		7.541.538.385	29.258.874.824
12. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		20.740.614.130	(13.813.841.714)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		786.908.402.355	630.924.057.610
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		157.114.601.264	111.978.762.960
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.940.607.347)	-
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		631.734.408.438	518.945.294.650
16.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		180.355.380.684	131.255.975.019
16.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		451.379.027.754	387.689.319.631
17. Lãi trên cổ phiếu	70	21	3.203	2.777



Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2009

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	MẪU B 03-DN	
		Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Đơn vị: VND Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	786.908.402.355	630.924.057.610
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	138.696.213.269	113.719.639.772
- Các khoản dự phòng	03	(7.074.584.799)	(1.873.113.346)
- Lợi nhuận thuần từ đầu tư vào công ty liên kết	04	(17.904.095.851)	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	8.561.936.983	26.534.024.133
- Lãi từ hoạt động đầu tư	06	5.211.518.879	11.926.995.147
- Chi phí lãi vay	07	28.827.294.948	50.146.707.932
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	943.226.685.784	831.378.311.248
trước thay đổi vốn lưu động			
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(41.708.001.626)	(244.411.021.333)
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(411.876.461.593)	(319.715.400.628)
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải	11	(79.585.218.655)	289.067.960.156
trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)			
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(38.684.332.647)	(248.356.684.418)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(28.827.294.948)	(50.146.707.932)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(102.285.149.870)	(117.991.606.329)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(143.672.176.796)	(83.704.746.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	96.588.049.649	56.120.104.564
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(152.001.539.993)	(221.048.568.099)
và các tài sản dài hạn khác			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	1.886.846.567
và các tài sản dài hạn khác			
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23	-	(25.420.000.000)
4. Tiền chi mua lại phần vốn góp của các cổ đông thiểu số	24	(7.331.500.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(159.333.039.993)	(244.581.721.532)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	108.656.844.680
2. Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào các công ty con	32	23.614.170.000	-
3. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	33	(1.573.430.000)	(1.010.370.000)
phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	34	1.979.310.749.228	3.948.456.434.235
5. Tiền chi trả nợ gốc vay	35	(2.019.600.013.479)	(3.590.211.574.584)
6. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(222.545.297.845)	(98.175.095.226)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(240.793.822.096)	367.716.239.105
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(303.538.812.440)	179.254.622.137
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.242.502.927.497	895.514.803.431
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	938.964.115.057	1.074.769.425.568



Nguyễn Thành Nam
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2009

Nguyễn Thế Phương
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FPT ban đầu là một công ty nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/05/2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Tại ngày 30/06/2009, Công ty Cổ phần FPT có 11 công ty con như sau:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hệ thống Thông tin FPT (FPT Information System);
- Công ty Cổ phần Thương mại FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom Corporation);
- Công ty Cổ phần Phần mềm FPT (FPT Software);
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Tin học FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Truyền thông Giải trí FPT;
- Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT;
- Đại học FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bất động sản FPT (FPT Land);
- Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT. Cũng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh này, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT tăng từ 923.525.790.000 đồng lên 1.411.620.740.000 đồng.

Từ năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2009 là 8.828 người (năm 2008 là 8.634 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ thông tin và viễn thông như tích hợp hệ thống; sản xuất và dịch vụ phần mềm; các dịch vụ ERP; phân phối sản phẩm công nghệ thông tin; phân phối điện thoại di động; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; lắp ráp máy tính; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được dịch sang Tiếng Anh từ bản báo cáo tài chính hợp nhất phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các báo cáo tài chính của các công ty do Tập đoàn kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2009. Việc kiểm soát này đạt được khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tập đoàn tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tập đoàn tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho của Tập đoàn được xác định theo phương pháp bình quân, phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 25
Phương tiện vận tải	4 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	2 - 3

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính được hình thành từ giao dịch thuê tài chính, khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

Tập đoàn ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tập đoàn theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tập đoàn về chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

(i) Quyền phát hành và bản quyền

Giá mua quyền phát hành và bản quyền mới được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Quyền phát hành và bản quyền được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(ii) Nhãn hiệu hàng hóa

Giá mua nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được ghi nhận vào tài sản cố định vô hình. Nhãn hiệu hàng hóa và thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản này.

(iii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

(iv) Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu

Giá mua giấy phép và nhượng quyền thương hiệu được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê; chi phí thuê văn phòng, công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí tân trang văn phòng, chi phí trả trước cho Asia America Gateway (AAG) và chi phí trả trước khác.

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê.

Giá trị công cụ dụng cụ, dụng cụ xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí trong vòng từ hai đến ba năm.

Chi phí trả trước cho AAG liên quan đến dự án cáp Châu Mỹ - Châu Á, với mục đích là tăng cường năng lực internet trong khu vực Châu Á. Tập đoàn sẽ được giảm giá phí thuê đường truyền khi dự án hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tập đoàn có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong năm 2008 và 2009. Dự phòng được lập dựa trên ước tính từ những số liệu về bảo hành trong các năm trước đó cho các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay

Dự phòng cho bảo lãnh các khoản ngân hàng cho sinh viên vay là các bảo lãnh mà Đại học FPT đã cấp cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Thành và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong liên quan đến các khoản cho vay mà Ngân hàng cấp cho các sinh viên của Trường đại học FPT, một công ty con của Tập đoàn FPT.

Các quỹ

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được lập hàng năm bằng cách phân bổ lợi nhuận sau thuế. Từ năm 2006, theo các điều khoản và điều kiện quy định trong Điều lệ Công ty sửa đổi, Công ty không tiếp tục trích lập Quỹ đầu tư và phát triển.

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc. Khi quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng cho các mục đích này, giá trị đã sử dụng được kết chuyển sang vốn.

(ii) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được lập hàng năm bằng cách phân bổ 5% lợi nhuận thuần sau thuế cho đến khi số dư quỹ tương đương với 10% vốn điều lệ.

(iii) Quỹ phúc lợi và khen thưởng

Quỹ phúc lợi và khen thưởng được lập hàng năm bằng cách phân bổ 10% lợi nhuận thuần sau thuế.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông

Doanh thu từ các dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ điện thoại, thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành. Các khoản thu được từ việc bán thẻ trả trước, nhưng thẻ đã bán chưa được sử dụng hoặc chưa hết hạn sử dụng, được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

Doanh thu từ học phí và phí

Doanh thu được ghi nhận trong kỳ khi dịch vụ được cung cấp. Học phí và các khoản phí thu trước của sinh viên được ghi nhận vào tài khoản người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính có kỳ học liên quan.

Nộp phí và học phí

Toàn bộ phí và học phí được nộp trước khi bắt đầu mỗi kỳ học.

Phí tuyển sinh hoặc phí đăng ký dự thi

Phí đăng ký dự thi là khoản phí cố định nộp một lần được tính trên mỗi sinh viên và được thu cùng với đơn đăng ký tuyển sinh. Tiền thu từ phí đăng ký được sử dụng để trang trải cho các chi phí liên quan đến toàn bộ các thủ tục xử lý hồ sơ tuyển sinh của mỗi sinh viên bao gồm cả công tác quản lý đánh giá quá trình học tập tại trường trước và sắp xếp sinh viên cho phù hợp. Phí đăng ký dự thi không được hoàn lại.

Các giao dịch hàng đổi hàng

Doanh thu từ giao dịch đổi hàng hóa và dịch vụ lấy các hàng hóa và dịch vụ không cùng chủng loại được hạch toán theo giá trị hợp lý của hàng hóa và dịch vụ nhận về, được điều chỉnh theo giá trị tiền hoặc tương đương tiền đã nhận hoặc đã trả. Khi hàng hóa và dịch vụ được đổi lấy hàng hóa và dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi này được coi là không có tính thương mại và không được coi là giao dịch tạo doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ phi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và kết chuyển sang dự phòng chênh lệch tỷ giá của Công ty. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung ứng sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Tích hợp hệ thống: cung cấp thiết bị công nghệ thông tin (CNTT), cung cấp dịch vụ phần mềm, dịch vụ ERP, dịch vụ mạng và dịch vụ bảo trì cho khách hàng trong các lĩnh vực ngân hàng và tài chính, viễn thông, y tế, lợi ích công cộng và Chính phủ;
- Xuất khẩu phần mềm: cung cấp dịch vụ phát triển phần mềm và dịch vụ bảo trì, gia công phần mềm, thử nghiệm đảm bảo chất lượng và gia công quy trình doanh nghiệp;
- Viễn thông: cung cấp dịch vụ internet không dây và có dây, dịch vụ trực tuyến cho doanh nghiệp và khách hàng cá nhân, dịch vụ Cổng dữ liệu Web, IPTV, trò chơi trực tuyến, nhạc trực tuyến và tin tức trực tuyến;
- Đào tạo: quản lý một trường đại học tư nhân đào tạo kỹ sư phần mềm;
- Thương mại: phân phối các sản phẩm CNTT bao gồm sản phẩm phần cứng, sản phẩm phần mềm và điện thoại di động và chuỗi các cửa hàng/phòng trưng bày sản phẩm CNTT bao gồm sản phẩm phần cứng, sản phẩm phần mềm và điện thoại di động tập trung vào các khách hàng là người tiêu dùng;
- Truyền thông: sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo cho các chương trình nghe nhìn; xây dựng nội dung các chương trình truyền thông đại chúng và tổ chức các sự kiện viễn thông và giải trí; và
- Dịch vụ bảo trì: cung cấp dịch vụ bảo trì cho các thiết bị CNTT và thiết bị mạng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt của Tập đoàn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Một số công ty trong Tập đoàn được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đầu tư vào các dự án được Nhà nước khuyến khích và được miễn giảm thuế. Thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tính từ năm được cấp có thẩm quyền chấp thuận dự án đầu tư. Sau khi hết thời gian được hưởng ưu đãi thuế, các đơn vị này sẽ chuyển sang áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Các dự án đầu tư mở rộng sản xuất được tăng thêm thời gian miễn, giảm thuế tính cho phần thu nhập tăng thêm. Thời gian được miễn thuế thu nhập tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tập đoàn căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, và được cộng gộp sau khi đã xác định thuế thu nhập tại các đơn vị thành viên. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền đối với các công ty trong Tập đoàn.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính và sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	14.718.542.158	27.574.193.854
Tiền gửi ngân hàng	726.366.247.782	1.060.448.296.374
Tiền đang chuyển	9.798.389.055	-
Các khoản tương đương tiền (*)	188.080.936.062	154.480.437.269
	938.964.115.057	1.242.502.927.497

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng hoặc trên 3 tháng theo các điều khoản rút gốc linh hoạt.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2009	31/12/2008
	VND	VND
Phải thu từ trợ giá cho hàng bán	24.847.572.319	45.543.701.874
Các khoản phải thu khác	52.833.998.265	61.539.896.940
	77.681.570.584	107.083.598.814

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2009	31/12/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	286.311.797.360	130.128.327.446
Nguyên liệu, vật liệu	378.085.015	158.881.462
Công cụ, dụng cụ	3.982.370.394	36.375.083.857
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	48.194.655.478	294.453.757.164
Thành phẩm	5.642.603.885	4.734.522.555
Hàng hoá	1.298.239.014.361	765.021.492.416
Cộng	1.642.748.526.493	1.230.872.064.900
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.960.422.193)	(6.914.183.721)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.636.788.104.300	1.223.957.881.179

Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho với giá trị theo các Hợp đồng cầm cố, thế chấp tại ngày 30/06/2009 là khoảng 423 tỷ đồng (46 triệu USD) (tại ngày 31/12/2008: 135 tỷ đồng) cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT
89 Láng Hạ, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		Tài sản khác		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ												
Tại ngày 01/01/2009	160.864.033.882	715.282.124.114	17.995.324.709	308.541.087.565	5.082.020.729	1.207.764.590.999						
Tăng do mua sắm	9.568.559.811	129.428.138.442	3.436.817.253	85.412.846.895	131.194.576	227.977.556.977						
Tăng khác	-	343.174.001	-	247.763.033	11.500.000	602.437.034						
Thanh lý, nhượng bán	(21.099.191.319)	(15.158.265.414)	(1.410.813.427)	(26.143.629.864)	(52.697.814)	(63.864.597.838)						
Giảm khác	(2.065.857.789)	(63.551.185.208)	518.081.317	(6.957.024.647)	12.516.623	(72.043.469.704)						
Tại ngày 30/06/2009	147.267.544.585	766.343.985.935	20.539.409.852	361.101.042.982	5.184.534.114	1.300.436.517.468						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
Tại ngày 01/01/2009	14.711.392.208	309.479.497.512	10.803.542.548	176.126.180.583	2.393.941.961	513.514.554.812						
Khấu hao trong kỳ	4.538.175.160	55.195.009.679	2.165.935.687	79.973.577.375	619.961.042	142.492.658.943						
Tăng khác	243.090.770	156.372.250	-	101.752.998	479.167	501.695.185						
Thanh lý, nhượng bán	(5.559.601.693)	(2.578.510.995)	(720.690.070)	(16.051.540.021)	(29.003.629)	(24.939.346.408)						
Giảm khác	-	(12.285.926.169)	272.622.825	(7.472.075.959)	(616.973.170)	(20.102.352.473)						
Tại ngày 30/06/2009	13.933.056.445	349.966.442.277	12.521.410.990	232.677.894.976	2.368.405.371	611.467.210.059						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Tại ngày 30/06/2009	133.334.488.140	416.377.543.658	8.017.998.862	128.423.148.006	2.816.128.743	688.969.307.409						
Tại ngày 31/12/2008	146.152.641.674	405.802.626.602	7.191.782.161	132.414.906.982	2.688.078.768	694.250.036.187						

Nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Tập đoàn tại ngày 30/06/2009 là khoảng 217.000 triệu đồng (tại ngày 31/12/2008 là khoảng 209.520 triệu đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền phát hành và bản quyền	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm vi tính	Giấy phép và nhượng quyền thương hiệu	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2009	14.849.092.066	175.351.445	50.657.938.123	17.410.196.877	83.092.578.511
Mua trong kỳ	5.709.258.538	-	6.971.396.826	-	12.680.655.364
Tặng khác	-	-	26.571.920	-	26.571.920
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(842.337.673)	-	(842.337.673)
Tại ngày 30/06/2009	20.558.350.604	175.351.445	56.813.569.196	17.410.196.877	94.957.468.122
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2009	5.683.448.642	63.321.354	21.470.484.571	11.309.282.176	38.526.536.743
Khấu hao trong kỳ	3.759.802.868	29.225.238	6.410.758.051	56.628.240	10.256.414.397
Tặng khác	-	-	8.424.322	-	8.424.322
Thanh lý nhượng bán	-	-	(214.766.214)	-	(214.766.214)
Tại ngày 30/06/2009	9.443.251.510	92.546.592	27.674.900.730	11.365.910.416	48.576.609.248
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/06/2009	11.115.099.094	82.804.853	29.138.668.466	6.044.286.461	46.380.858.874
Tại ngày 31/12/2008	9.165.643.424	112.030.091	29.187.453.552	6.100.914.701	44.566.041.768

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tòa nhà FPT tại Đà Nẵng	17.886.292.783	17.169.632.487
Tòa nhà FPT tại 89 Láng Hạ, Hà Nội	8.204.673.920	2.398.000.000
Dự án khu công nghệ cao T.P HCM	26.076.583.692	21.984.005.801
Dự án FPT City tại Đà Nẵng	166.484.148.243	166.484.148.243
Tòa nhà FPT Telecom Tân Thuận	8.148.347.804	-
Khác	21.001.355.937	13.720.627.975
	247.801.402.379	221.756.414.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết thông tin về các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2009 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	101 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các giải pháp CNTT và tích hợp hệ thống
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	Tầng 6-11 Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	67,52%	67,52%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	Tòa nhà Viglacera, 1 Láng Hòa Lạc, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%	Phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i)	48 Vạn Bảo, Ba Đình, Hà Nội	41,62%	41,62%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Đại học FPT	Tòa nhà Detech, 15B Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty Cổ phần Quảng cáo FPT	79 Bis, Điện Biên Phủ, Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	60%	60%	Tổ chức triển lãm, hội nghị, sản xuất và kinh doanh phim và bản quyền
Công ty TNHH Bất động sản FPT	Tầng 14, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh, đầu tư bất động sản và cung cấp các dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ và kho bãi
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT	Tầng 5, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình, giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học FPT	1A Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo hành, bảo trì cho các thiết bị điện tử, công nghệ và công nghiệp
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến (ii)	131 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	34,67%	50,56%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Phát triển Khu công nghệ cao Hoà Lạc FPT	Tầng 5, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Phối hợp xây dựng và vận hành Khu Công nghệ cao Hòa Lạc

(i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 41,62% phần vốn (2008: 43,50%) và có 41,62% quyền biểu quyết (2008: 43,50%) ở Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Tập đoàn có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Tập đoàn có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó thực hiện hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty này vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 34,67% phần vốn (2008: 35,60%) ở Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT, trong đó lợi ích trực tiếp là 23,33% và lợi ích gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Viễn thông FPT là 11,34%. Công ty Cổ phần Viễn thông FPT cũng sở hữu 27,22% ở Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT. Trên cơ sở Công ty Cổ phần Viễn thông FPT kiểm soát hơn 50% quyền biểu quyết thông qua các thỏa thuận của họ với Công ty Cổ phần FPT và một nhà đầu tư cá nhân khác của Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT, Tập đoàn thực hiện việc hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT vào các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Số dư đầu kỳ/năm	243.554.076.179
Đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ/năm	-
Phần lợi nhuận của Tập đoàn trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	17.904.095.851
Cổ tức nhận được	(687.500.000)
Số dư cuối kỳ/năm	260.770.672.030

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30/06/2009 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	25%	Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và dịch vụ lưu ký chứng khoán
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ FPT	Tầng 13, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	33%	Quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục và các dịch vụ khác
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (i)	Tầng 1-2, Tòa nhà FPT Cầu Giấy, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội	15%	Thực hiện dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chính liên quan tại Việt Nam

- (i) Công ty Cổ phần FPT sở hữu 15% quyền biểu quyết (2008: 15%) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong thông qua đại diện có vai trò chủ chốt của Tập đoàn trong Hội đồng Quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong, do đó báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Tài sản cố định	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Các khoản dự phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	11.999.803.420	1.930.187.320	9.435.356.223	23.365.346.963
Chuyển sang lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	3.255.792.760	(1.225.463.329)	-	2.030.329.431
Tại ngày 30/06/2009	15.255.596.180	704.723.991	9.435.356.223	25.395.676.394

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn các ngân hàng	1.180.532.120.981	1.222.188.733.624
Vay ngắn hạn các cá nhân	15.967.485.466	14.623.085.583
	1.196.499.606.447	1.236.811.819.207

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng dưới hình thức hợp đồng hạn mức tín dụng với thời gian tối đa là 12 tháng. Trong số các khoản vay ngắn hạn còn lại có 73.935 triệu đồng được đảm bảo bằng hàng tồn kho trị giá 46 triệu đô la Mỹ. Khoản vay ngân hàng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong trị giá 218.706 triệu đồng (tại Văn phòng Công ty) được thế chấp bằng Sổ chứng nhận cổ phần của Công ty cổ phần FPT góp vốn vào Công ty Cổ phần chứng khoán FPT. Khoản vay ngắn hạn ngân hàng HSBC trị giá 17.980 triệu đồng được thế chấp bằng các khoản phải thu tối thiểu 30 triệu đô la Mỹ tại mọi thời điểm. Khoản vay của Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT trị giá 112.344 triệu đồng được thế chấp bằng giá trị của hàng hóa mua về. Các khoản vay ngắn hạn còn lại không có đảm bảo. Các khoản vay ngắn hạn chịu lãi suất hàng năm từ 5,7% đến 8,4% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	61.657.318.976	72.830.923.357
Thuế xuất, nhập khẩu	21.331.754.396	22.600.137.519
Thuế thu nhập doanh nghiệp	126.395.139.310	62.130.331.694
Thuế thu nhập các nhân	7.199.842.638	30.067.465.785
Thuế nhà thầu	-	894.090.476
Thuế khác	1.835.840.017	533.215.542
	<u>218.419.895.337</u>	<u>189.056.164.373</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	14.777.412.045	10.136.659.879
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	6.343.038.948	7.413.425.661
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	23.072.256.703	24.365.404.720
Phải trả tiền cổ tức	2.260.964.609	2.235.069.268
Doanh thu chưa thực hiện	69.972.317.690	98.258.973.235
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.566.819.515	13.581.147.184
	<u>127.992.809.510</u>	<u>155.990.679.947</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT
89 Láng Hạ, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư tại ngày 01/01/2008	923.525.790.000	524.865.861.360	(176.000.000)	(1.024.332.674)	60.270.389.599	103.009.261	431.916.797.566	1.939.481.515.112	
Phát hành cổ phiếu	18.080.370.000	-	-	-	-	-	-	18.080.370.000	
Cổ phiếu thường đã phát hành	470.014.580.000	(470.014.580.000)	-	-	-	-	-	-	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	836.270.596.632	836.270.596.632	
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.655.500.000)	-	-	-	-	(1.655.500.000)	
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	47.295.131.812	-	(132.899.704.388)	(85.604.572.576)	
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(336.816.000.600)	(336.816.000.600)	
Biến động khác	-	-	-	4.189.087.965	-	-	(462.530.065)	3.726.557.900	
Số dư tại ngày 01/01/2009	1.411.620.740.000	54.851.281.360	(1.831.500.000)	3.164.755.291	107.565.521.411	103.009.261	798.009.159.145	2.373.482.966.468	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	451.379.027.754	451.379.027.754	
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(489.300.000)	-	-	-	-	(489.300.000)	
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(144.700.000)	-	-	(144.700.000)	
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(140.932.304.000)	(140.932.304.000)	
Biến động khác	-	-	-	1.478.717.842	(783.455.525)	-	52.736.601	747.998.918	
Số dư tại ngày 30/06/2009	1.411.620.740.000	54.851.281.360	(2.320.800.000)	4.643.473.133	106.637.365.886	103.009.261	1.108.508.619.500	2.684.043.689.140	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ tức

Trong nửa đầu năm 2009, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã ban hành Quyết định số 32-2009/FPT/QĐ-HDQT ngày 18/05/2009 về việc tạm ứng cổ tức năm 2009 với tỷ lệ trả cổ tức lần này là 10% trên mệnh giá.

Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	141.162.074	141.162.074
Cổ phiếu đã phát hành	141.162.074	141.162.074
Cổ phiếu phổ thông	139.787.819	139.787.819
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	1.374.255	1.374.255
Cổ phiếu quỹ	(232.080)	(183.150)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	140.929.994	140.978.924
Cổ phiếu phổ thông	139.787.819	139.787.819
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	1.142.175	1.191.105

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

17. DOANH THU

	<u>Từ 01/01/2009</u> <u>đến 30/06/2009</u>	<u>Từ 01/01/2008</u> <u>đến 30/06/2008</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.977.762.424.153	8.218.958.676.056
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	6.211.295.216.305	7.080.290.666.458
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.766.467.207.848	1.138.668.009.598
Các khoản giảm trừ	9.982.023.571	13.665.410.991
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	7.967.780.400.582	8.205.293.265.065

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ nêu trên thể hiện doanh số của Tập đoàn với các bên thứ ba. Ngoài ra, để phục vụ cho mục đích quản lý, Tập đoàn cũng theo dõi chỉ tiêu doanh số kinh doanh bao gồm doanh số bán cho các bên thứ ba và doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn với mục đích kinh doanh. Doanh số bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi tiết doanh thu kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở bảng sau:

	<u>Từ 01/01/2009</u> <u>đến 30/06/2009</u>	<u>Từ 01/01/2008</u> <u>đến 30/06/2008</u>
	VND	VND
Doanh thu thuần bán cho các bên thứ ba	7.967.780.400.582	8.205.293.265.065
Doanh thu thuần bán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn	255.337.038.432	471.363.976.729
Tổng doanh thu kinh doanh	8.223.117.439.014	8.676.657.241.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	18.242.359.976	36.551.204.674
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49.528.306.584	47.016.620.518
Doanh thu tài chính khác	179.811.314	2.492.776.972
	67.950.477.874	86.060.602.164

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
	VND	VND
Lãi tiền vay	28.827.294.948	50.146.707.932
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	113.088.517.181	209.260.229.426
Chi phí hoạt động tài chính khác	3.424.685.051	362.433.899
	145.340.497.180	259.769.371.257

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT
89 Láng Hạ, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009
đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Thông tin tóm tắt về kết quả hoạt động kinh doanh thuần theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 được trình bày như dưới đây:

	Tích hợp hệ thống		Xuất khẩu phần mềm		Viễn thông		Đào tạo		Thương mại		Truyền thông		Dịch vụ bảo trì		Khác		Tổng cộng		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.093.053.808.976	326.832.342.298	868.846.310.606	78.359.032.922	5.279.006.269.232	100.981.141.214	19.966.171.683	200.735.323.651	7.967.780.400.582										
Chi phí trực tiếp của các bộ phận	939.604.766.811	231.169.460.377	547.397.586.110	47.436.242.541	5.156.441.064.278	86.980.505.863	7.910.380.891	192.214.143.872	7.209.154.150.743										
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	153.449.042.165	95.662.881.921	321.448.724.496	30.922.790.381	122.565.204.954	14.000.635.351	12.055.790.792	8.521.179.779	758.626.249.839										



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009	Từ 01/01/2008 đến 30/06/2008
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	451.379.027.754	387.689.319.631
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	140.938.909	139.628.377
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.203	2.777

22. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 30/06/2009, Tập đoàn đã ký hợp đồng cam kết cho: các dự án tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, dự án thành phố FPT Đà Nẵng và Công ty TNHH FPR USA với tổng số tiền 614 tỷ đồng.

Tại ngày 30/6/2009, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã phê duyệt thực hiện các dự án sau:

- Dự án 89 Láng Hạ: Công ty Cổ phần FPT là Chủ đầu tư dự án, Đại diện chủ đầu tư do Tổng Giám đốc chỉ định.
- Dự án xây dựng Đại học FPT tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc: Công ty Cổ phần FPT cấp bổ sung vốn 100 tỷ đồng để xây trường Đại học FPT.
- Dự án FPT City Đà Nẵng: Phê duyệt chủ trương Thành lập Công ty TNHH Phát triển Đô thị FPT Đà Nẵng thuộc 100% sở hữu của Công ty Cổ phần FPT theo tờ trình của Công ty TNHH Bất động sản FPT. Công ty cổ phần FPT cấp vốn 56 tỷ đồng. Thời hạn thực hiện: trong Quý 3/2009.
- Thông qua chủ trương đầu tư mua văn phòng FPT tại thành phố Hồ Chí Minh và ủy quyền cho Ban Điều hành FPT thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện. Tổng mức đầu tư dự kiến là 130 tỷ đồng.

23. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 23 tháng 7 năm 2009, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty Cổ phần FPT đã thông qua phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT và Công ty TNHH Thương mại FPT, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền năm 2009; Kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2009.

Ngày 30 tháng 7 năm 2009, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần FPT đã thông qua phương án chuyển đổi loại hình doanh nghiệp của Công ty TNHH Thương mại FPT sang loại hình cổ phần và phê duyệt đầu tư thành lập Công ty CP Việt Thiên FPT kinh doanh lĩnh vực nội dung số, với số vốn 18 tỷ đồng, chiếm 75% vốn điều lệ.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/06/2008 là số liệu chưa được soát xét. Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2008 là số liệu được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận toàn phần. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.
